

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ  
SAO MAI – BẾN ĐÌNH**

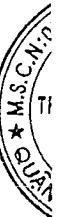
*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Hải Bình	Chủ tịch
Ông Phùng Như Dũng	Ủy viên
Ông Lê Triều Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Đạt	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Phùng Như Dũng	Giám đốc
Ông Đặng Đức Hồi	Phó Giám đốc
Ông Trần Chí Dũng	Phó Giám đốc
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc

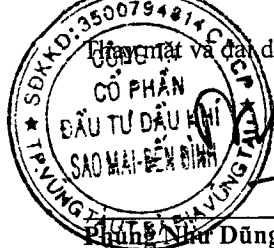
### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Phùng Như Dũng

Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Số: *MO* /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2013, từ trang 3 đến trang 22. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



*[Signature]*  
Khúc Thị Lan Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
0036-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 14 tháng 8 năm 2013  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

*[Signature]*

Văn Đình Khuê  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
1178-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>556.228.354.403</b>	<b>556.451.565.488</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>535.566.358.787</b>	<b>541.396.654.180</b>
1. Tiền	111		1.566.358.787	8.396.654.180
2. Các khoản tương đương tiền	112		534.000.000.000	533.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.924.788.123</b>	<b>11.734.133.138</b>
1. Phải thu khách hàng	131		7.166.740.142	314.800.935
2. Trả trước cho người bán	132		242.962.886	5.886.315.537
3. Các khoản phải thu khác	135	6	4.515.085.095	5.533.016.666
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>4.528.700.945</b>	<b>219.173.791</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.528.700.945	219.173.791
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.208.506.548</b>	<b>3.101.604.379</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		60.560.455	24.997.727
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.439.677.974	1.120.854.961
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	1.531.698.394	1.838.624.992
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		176.569.725	117.126.699
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>249.168.020.519</b>	<b>260.232.787.438</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		3.000.000	3.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>34.628.743.497</b>	<b>43.678.856.103</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	17.070.731.625	18.733.719.671
- Nguyên giá	222		26.043.119.304	26.901.109.830
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.972.387.679)	(8.167.390.159)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.372.880)	(53.372.880)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	17.558.011.872	24.945.136.432
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>11</b>	<b>214.115.315.407</b>	<b>216.482.951.335</b>
- Nguyên giá	241		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(15.165.471.047)	(12.797.835.119)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		10.530.000.000	10.530.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(10.530.000.000)	(10.530.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>420.961.615</b>	<b>67.980.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		420.961.615	67.980.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>805.396.374.922</b>	<b>816.684.352.926</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

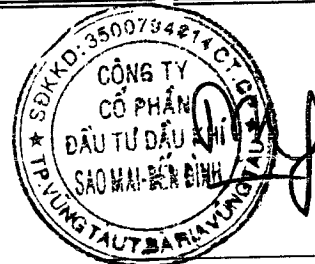
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>249.731.864.375</b>	<b>254.771.780.122</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.807.862.896</b>	<b>13.800.373.701</b>
1. Phải trả người bán	312		1.542.277.934	1.047.847.999
2. Người mua trả tiền trước	313		162.737.355	5.750.205.040
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		84.489.486	-
4. Phải trả người lao động	315		4.674.359.524	6.016.786.239
5. Chi phí phải trả	316		-	140.000.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	4.013.342.360	105.522.790
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		330.656.237	740.011.633
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>238.924.001.479</b>	<b>240.971.406.421</b>
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	14	3.543.549.343	2.989.054.393
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	15	235.304.261.660	237.906.161.552
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		76.190.476	76.190.476
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>555.664.510.547</b>	<b>561.912.572.804</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>555.664.510.547</b>	<b>561.912.572.804</b>
1. Vốn điều lệ	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.510.376.314	31.510.376.314
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.670.509.746	11.670.509.746
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.483.624.487	18.731.686.744
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>805.396.374.922</b>	<b>816.684.352.926</b>


Trần Thị Hồng Lan  
Người lập biểu

Phạm Minh Vi  
Kế toán trưởngPhùng Như Dũng  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

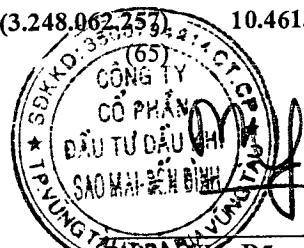
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MẪU B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		20.953.643.780	21.226.116.395
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10	18	20.953.643.780	21.226.116.395
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	19	20.136.059.890	18.187.263.670
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		817.583.890	3.038.852.725
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	21.246.284.378	35.345.844.036
6. Chi phí tài chính	22		-	38.199
7. Chi phí bán hàng	24		956.364.000	938.311.415
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.935.066.800	23.230.026.963
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		6.172.437.468	14.216.320.184
10. Thu nhập khác	31		117.846.226	-
11. Chi phí khác	32	22	8.713.274.927	40.215.650
12. Lỗ khác (40=31-32)	40		(8.595.428.701)	(40.215.650)
13. (Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2.422.991.233)	14.176.104.534
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	270.576.074	3.159.772.434
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	554.494.950	554.494.950
16. Lỗ/(lợi nhuận) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(3.248.062.257)	10.461.837.150
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24		209


Trần Thị Hồng Lan  
Người lập biểu

Phạm Minh Vi  
Kế toán trưởngPhạm Như Dũng  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

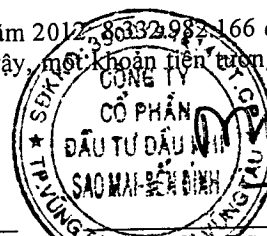
**MẤU B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
		đến 30/6/2013	đến 30/6/2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	(2.422.991.233)	14.176.104.534
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.854.665.411	3.850.365.781
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(12.483.970.498)	(35.345.844.036)
<b>3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>			
Thay đổi các khoản phải thu	09	(2.069.927.417)	12.230.121.335
Thay đổi hàng tồn kho	10	(4.309.527.154)	(379.035.772)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(8.977.142.385)	1.670.867.638
Thay đổi chi phí trả trước	12	(147.594.871)	(1.379.500)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(6.120.089.624)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	125.500.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(534.855.396)	(2.488.038.591)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(26.965.843.543)</b>	<b>(12.406.928.235)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.208.227.111)	(1.137.867.428)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(589.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	689.000.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	22.343.775.261	36.187.315.447
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>21.135.548.150</b>	<b>135.049.448.019</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	-	(17.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(17.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(5.830.295.393)</b>	<b>105.642.519.784</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>541.396.654.180</b>	<b>402.344.257.497</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>535.566.358.787</b>	<b>507.986.777.281</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền thu từ lãi tiền gửi không bao gồm số tiền 4.339.722.223 đồng (năm 2012: 3.032.982.166 đồng), thể hiện khoản thu nhập chưa nhận được tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải thu.


Trần Thị Hồng Lan  
Người lập biểu

Phạm Minh Vi  
Kế toán trưởngPhùng Như Dũng  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 49121000147 ngày 27 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Giấy chứng nhận Đầu tư này thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4903000636 ngày 7 năm 5 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 82 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 81 người).

#### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư là khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình, khai thác cụm cảng container, sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất; kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội bộ; cho thuê các thiết bị vận tải, kho bãi.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

#### Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

#### Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

***Dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các dự án và các chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ tư vấn quản lý dự án.

***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

250  
NH  
NG  
HỆ  
O  
T  
P  
T

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	61.851.884	57.474.128
Tiền gửi ngân hàng	1.504.506.903	8.339.180.052
Các khoản tương đương tiền	534.000.000.000	533.000.000.000
	<u><u>535.566.358.787</u></u>	<u><u>541.396.654.180</u></u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và các khoản ủy thác đầu tư tại các công ty tài chính có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng với lãi suất được hưởng là 7%/năm (2012: 8% - 9%/năm).

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.339.722.223	5.486.416.666
Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN	175.362.872	46.600.000
	<u><u>4.515.085.095</u></u>	<u><u>5.533.016.666</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến hợp đồng “Cung cấp nhân lực, vật tư phục vụ sửa chữa giàn Tam Đào 01”. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, hợp đồng này vẫn chưa được quyết toán.

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

Thuế và các khoản phải thu nhà nước liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa của các năm trước.

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản hữu hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	1.467.811.000	4.479.393.486	1.373.047.413	19.580.857.931	26.901.109.830
Tăng trong kỳ	-	-	64.990.909	-	64.990.909
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(98.711.000)	-	(824.270.435)	-	(922.981.435)
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2013	<u>1.369.100.000</u>	<u>4.479.393.486</u>	<u>613.767.887</u>	<u>19.580.857.931</u>	<u>26.043.119.304</u>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	464.752.290	2.398.430.750	1.054.527.630	4.249.679.489	8.167.390.159
Khấu hao trong kỳ	104.060.291	319.956.672	74.388.986	988.623.534	1.487.029.483
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(38.312.257)	-	(643.719.706)	-	(682.031.963)
Tại ngày 30/6/2013	<u>530.500.324</u>	<u>2.718.387.422</u>	<u>485.196.910</u>	<u>5.238.303.023</u>	<u>8.972.387.679</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2013	<u>838.599.676</u>	<u>1.761.006.064</u>	<u>128.570.977</u>	<u>14.342.554.908</u>	<u>17.070.731.625</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>1.003.058.710</u>	<u>2.080.962.736</u>	<u>318.519.783</u>	<u>15.331.178.442</u>	<u>18.733.719.671</u>

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 96.200.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 876.799.869 đồng).

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Năm 2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	24.945.136.432	22.746.159.751
Tăng trong kỳ	1.325.985.760	2.577.356.787
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(378.380.106)
Kết chuyển sang chi phí	(8.713.110.320)	-
Số dư cuối kỳ/năm	<u>17.558.011.872</u>	<u>24.945.136.432</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện tổng chi phí xây dựng Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình trên diện tích 160 ha đất (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 16.414.775.670 đồng). Tổng vốn đầu tư của dự án là 6.100.000.000.000 đồng, thời gian triển khai và hoàn thành dự kiến là từ năm 2012 – 2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (Continued)**

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/QĐ-ĐHĐCĐ-PVSB ngày 28 tháng 3 năm 2013, các cổ đông của Công ty đã thống nhất "chấm dứt hoạt động đầu tư của Dự án đầu tư Căn cứ Dịch vụ Công nghiệp Dầu khí Vân Phong". Đồng thời, Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu cảng 20.000 DWT thuộc Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình cũng bị chấm dứt theo Quyết định số 30/QĐ-HĐQT ngày 05 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng Quản trị. Do đó, một khoản điều chỉnh giảm tương ứng với giá trị đầu tư dở dang của 2 Dự án trên với số tiền lần lượt là 8.224.019.411 đồng và 489.090.909 đồng đã được ghi giảm tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Giá trị điều chỉnh giảm này được trình bày là một khoản chi phí khác trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh số 22).

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Cơ sở hạ tầng  
VND**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2013 và 30/6/2013

229.280.786.454

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2013

12.797.835.119

Khấu hao trong kỳ

2.367.635.928

Tại ngày 30/6/2013

15.165.471.047**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 30/6/2013

214.115.315.407

Tại ngày 31/12/2012

216.482.951.335

Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Công ty như sau:

30/6/2013 và  
31/12/2012  
VND

Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hectare (i)

131.881.668.267

Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hectare (ii)

97.399.118.187

229.280.786.454

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai - Bến Đình được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí năm 2010. Giá trị thực của khoản đầu tư này được tạm ghi nhận vào năm 2010 và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 49 năm. Năm 2011, bất động sản đầu tư này được quyết toán đầu tư và không có sự biến đổi đáng kể trong giá trị của bất động sản đầu tư này.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 30 tháng 6 năm 2013 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư dài hạn khác	10.530.000.000	10.530.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(10.530.000.000)</u>	<u>(10.530.000.000)</u>
	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco), với số tiền đầu tư tương đương 13,16% vốn điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 30 tháng 6 năm 2013, Sopewaco phát sinh khoản lỗ vượt quá vốn chủ sở hữu; do đó, Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này.

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

Các khoản phải trả, phải nộp khác chủ yếu liên quan tới khoản cổ tức phải trả cho các cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

**14. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao Cơ quan Thuế cho phép theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 năm.

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ.

	Chênh lệch khấu hao VND
Tại ngày 01/01/2013	2.989.054.393
Ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	554.494.950
Tại ngày 30/6/2013	<u><u>3.543.549.343</u></u>

**15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền Công ty được trả trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, thành phố Vũng Tàu.

Chi tiết số dư doanh thu chưa thực hiện của Công ty như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Doanh thu chưa thực hiện dự án 39,8 ha	134.272.434.890	135.781.113.934
Doanh thu chưa thực hiện dự án 23 ha	<u>101.031.826.770</u>	<u>102.125.047.618</u>
	<u><u>235.304.261.660</u></u>	<u><u>237.906.161.552</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	500.000.000.000	29.648.479.095	10.980.918.183	32.145.810.619	572.775.207.897
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	6.895.915.626	6.895.915.626
Phân phối các quỹ	-	1.861.897.219	689.591.563	(3.310.039.501)	(758.550.719)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(17.000.000.000)	(17.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	500.000.000.000	31.510.376.314	11.670.509.746	18.731.686.744	561.912.572.804
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(3.248.062.257)	(3.248.062.257)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tại ngày 30/6/2013	500.000.000.000	31.510.376.314	11.670.509.746	12.483.624.487	555.664.510.547

Trong kỳ, Công ty đã trích lập bổ sung cổ tức trị giá 3.000.000.000 đồng theo Nghị quyết số 04 ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 số cổ tức này đang trình bày là một khoản phải trả khác trên báo cáo tài chính (trình bày tại Thuyết minh số 13).

Vốn điều lệ	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đầu tư 50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và thu tiền 50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	500.000.000.000	500.000.000.000

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, vốn điều lệ của Công ty là 500 tỷ đồng được chia thành 50.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần cổ đông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đầu tư		Vốn đã góp Tại 30/6/2013 và 31/12/2012 VND
	VND	%	
<b>Cổ đông sáng lập</b>			
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	210.250.000.000	42,05	210.230.500.000
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	50.924.000.000	10,18	50.924.000.000
Các cổ đông khác	238.826.000.000	47,77	238.845.500.000
	<b>500.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>500.000.000.000</b>

002-C  
NH  
Y  
JU HA  
TE  
CHIA

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình, xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí. Trong kỳ, Công ty không phát sinh doanh thu, chi phí từ các hoạt động kinh doanh khác, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 6 năm 2013 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**18. DOANH THU THUẬN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.601.899.892	2.601.899.892
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.351.743.888	18.624.216.503
	<u>20.953.643.780</u>	<u>21.226.116.395</u>

**19. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	2.367.635.928	2.367.635.928
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.768.423.962	15.819.627.742
	<u>20.136.059.890</u>	<u>18.187.263.670</u>

**20. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.115.018.108	2.601.217.787
Chi phí nhân công	11.534.062.024	24.197.746.747
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.948.356.734	3.850.365.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.524.376.999	8.910.356.615
Chi phí khác	3.434.377.770	3.174.950.890
	<u>40.556.191.635</u>	<u>42.734.637.820</u>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	21.197.080.818	28.251.911.816
Lãi ủy thác đầu tư, ủy thác quản lý vốn	-	7.093.694.444
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	49.203.560	237.776
	<u>21.246.284.378</u>	<u>35.345.844.036</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Ghi giảm giá trị công trình đầu tư dở dang (trình bày tại Thuyết minh số 10)	8.713.110.320	-
Khác	164.607	40.215.650
	<b>8.713.274.927</b>	<b>40.215.650</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(2.422.991.233)	14.176.104.534
<b>Điều chỉnh thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(5.231.814.792)	(2.217.979.800)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	8.737.110.320	138.015.650
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.082.304.295</b>	<b>12.096.140.384</b>
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	270.576.074	3.024.035.096
Thuế TNDN bổ sung năm trước	-	135.737.338
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>270.576.074</b>	<b>3.159.772.434</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.248.062.257)	10.461.837.150
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>(65)</b>	<b>209</b>

**25. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.756.665.092	1.197.205.899

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	3.532.239.276	3.889.512.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.149.619.273	7.012.836.000
Sau năm năm	-	98.850.000
	<b>8.681.858.549</b>	<b>11.001.198.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê văn phòng có thời hạn thuê từ 1 đến 2 năm và khoản thanh toán cho chi phí thuê mặt bãi khu Kinh tế Sao Mai - Bến Đình với thời hạn thuê trên 5 năm.

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	535.566.358.787	541.396.654.180
Phải thu khách hàng	7.166.740.142	314.800.935
Phải thu khác	4.339.722.223	5.486.416.666
Các khoản ký quỹ	3.000.000	3.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>547.075.821.152</b>	<b>547.200.871.781</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	1.542.277.934	1.047.847.999
Phải trả khác	3.998.056.685	-
Chi phí phải trả	-	140.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.540.334.619</b>	<b>1.187.847.999</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	201.953.835	6.759.667.624	-	-
Euro (EUR)	2.679.154	2.753.104	-	-

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Phân tích sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của USD so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng là 5.978.240 VND (2012: 202.707.436 VND)

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan của Công ty.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
<b>30/6/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	535.566.358.787	-	535.566.358.787
Phải thu khách hàng	7.166.740.142	-	7.166.740.142
Phải thu khác	4.339.722.223	-	4.339.722.223
Các khoản ký quỹ	-	3.000.000	3.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>547.072.821.152</b>	<b>3.000.000</b>	<b>547.075.821.152</b>
Phải trả người bán	1.542.277.934	-	1.542.277.934
Phải trả khác	3.998.056.685	-	3.998.056.685
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.540.334.619</b>	<b>-</b>	<b>5.540.334.619</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>541.532.486.533</b>	<b>3.000.000</b>	<b>541.535.486.533</b>
<b>31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	541.396.654.180	-	541.396.654.180
Phải thu khách hàng	314.800.935	-	314.800.935
Phải thu khác	5.486.416.666	-	5.486.416.666
Các khoản ký quỹ	-	3.000.000	3.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>547.197.871.781</b>	<b>3.000.000</b>	<b>547.200.871.781</b>
Phải trả người bán	1.047.847.999	-	1.047.847.999
Chi phí phải trả	140.000.000	-	140.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.187.847.999</b>	<b>-</b>	<b>1.187.847.999</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>546.010.023.782</b>	<b>3.000.000</b>	<b>546.059.623.782</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

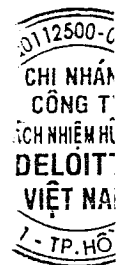
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 <u>VND</u>
<b>Cung cấp dịch vụ</b>		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	1.192.912.215	3.551.840.367
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	866.584.059	1.940.860.978
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC	-	15.733.415.050
<b>Mua dịch vụ</b>		
Mua dịch vụ của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	593.100.000	--
Mua dịch vụ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC		1.717.920.650
Mua dịch vụ của Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	1.232.125.335	1.182.950.734
Phí sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	673.119.555
<b>Lãi ủy thác đầu tư và ủy thác quản lý vốn</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí	831.458.334	7.093.694.444
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí (ủy thác quản lý vốn)	30.000.000.000	86.000.000.000
<b>Thu nhập Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:</b>		
	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 <u>VND</u>
Lương và thưởng	1.577.224.215	1.865.720.546
<b>Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:</b>		
	30/6/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	430.536.984	145.213.904
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	347.730.856	169.587.031
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	112.553.265	108.735.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	220.456.121	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

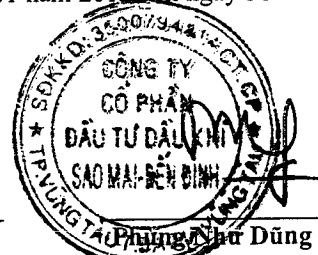
Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét.



Trần Thị Hồng Lan  
Người lập biểu



Phạm Minh Vi  
Kế toán trưởng



Phạm Như Dũng  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

